

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **69/2020/HS-ST**

Ngày: 05 - 8 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Nam**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Phạm Công Gia** và bà **Hoàng Thị Bích Ngọc**

Thư ký phiên tòa: Ông **Đoàn Văn Năng** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông **Trương Hoàng Tuấn** – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 69/2020/TLST-HS ngày 26 tháng 6 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2020/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 7 năm 2020 và Quyết định Hoãn phiên tòa số: 16/2020/HSST-QĐ ngày 23 tháng 7 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Phan Thị Ngọc H, sinh năm 1979, tại Đồng Nai; nơi cư trú: Ấp Y, xã P L, huyện T P, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa (học vấn): 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn T, sinh năm 1955 (đã chết) và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1956; chồng: Phạm Nhật Đ, sinh năm 1963; có 02 con: Lớn nhất sinh năm 1997 và nhỏ nhất sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 23/6/2008, Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xử phạt 15.000.000 đồng, về tội “Đánh bạc”; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 16/4/2020 đến ngày 16/6/2020. Bị cáo tại ngoại (vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt vì đang bị cách ly phòng chống dịch Covid-19 ly tại nhà).

2. Trần Thị Thu L, sinh năm 1978, tại TP. Hồ Chí Minh; nơi cư trú: Khu X, thị trấn T P, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa (học vấn): 2/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Cao Đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T (đã chết) và bà Trần Thị T (đã chết); chồng: Trịnh Văn V, sinh năm 1959; có 03 con: Lớn nhất sinh năm 2005 và nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 16/4/2020 đến ngày 16/6/2020. Bị cáo tại ngoại (có mặt).

3. Trần Thị Thu V – Tên gọi khác: **L**, sinh năm 1978, tại Bến Tre; nơi cư trú:

Ấp Y, xã P L, huyện T P, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 00/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn B (đã chết) và bà Trần Thị B (đã chết); chồng: Phan Văn T, sinh năm 1975; có 02 con, lớn nhất sinh năm 1998, nhỏ nhất sinh năm 2003; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 16/4/2020 đến ngày 16/6/2020. Bị cáo tại ngoại (có mặt).

4. Nguyễn Thị Kim Y – Tên gọi khác: **L**, sinh năm 1980, tại Bến Tre; nơi cư trú: Ấp Z, xã T C, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thành P, sinh năm 1944 (đã chết) và bà Lê Thị R, sinh năm 1943; chồng: Nguyễn Quốc D, sinh năm 1977; có 02 con: Lớn nhất sinh năm 2002, nhỏ nhất sinh năm 2014; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 16/4/2020 đến ngày 16/6/2020. Bị cáo tại ngoại (có mặt).

5. Bùi Văn G - Tên gọi khác: **T**, sinh năm 1986, tại Đồng Nai; nơi cư trú: Khu J, thị trấn T P, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn T, sinh năm 1954 và bà Thái Thị N, sinh năm 1954; vợ: Trần Thị Thùy C, sinh năm 1985; có 02 con: Lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2019; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 16/4/2020 đến ngày 16/6/2020. Bị cáo tại ngoại (có mặt).

6. Tôn Thất T, sinh năm 1977, tại Đồng Nai; nơi cư trú: Khu K, thị trấn T P, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Công chức; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tôn Thất T, sinh năm 1937 và bà Đỗ Thị N, sinh năm 1937; vợ: Lê Thị Mai Ti, sinh năm 1990; có 01 con sinh năm 2018; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 16/4/2020 đến ngày 16/6/2020. Bị cáo tại ngoại (có mặt).

7. Lê Thị Kim N, sinh năm 1973, tại Tiền Giang; nơi cư trú: Ấp F, xã P T, huyện Đ Q, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ văn hóa (học vấn): 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Y và bà Huỳnh Thị Kim A; chồng: Nguyễn Văn H, sinh năm 1963; có 02 con: Lớn nhất sinh năm 1994, nhỏ nhất sinh năm 2000; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 16/4/2020 đến ngày 16/6/2020. Bị cáo tại ngoại (có mặt).

8. Lê Thị S – Tên gọi khác: **Bà T**, sinh năm 1950, tại Bến Tre; nơi cư trú: Ấp 2, xã P L, huyện T P, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ văn hóa (học vấn): 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T (đã chết) và bà Phạm Thị N (đã chết); chồng: Nguyễn Văn X, sinh năm 1951 (đã chết); có 05 con: Nhỏ nhất sinh năm 1983; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 16/4/2020 đến ngày 16/6/2020. Bị cáo tại ngoại (có mặt).

9. Phan Thị Cẩm C - Tên gọi khác: **N**, sinh năm 1959, tại Bến Tre; nơi cư trú: Ấp Y, xã P L, huyện T P, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L (đã chết) và bà Phan Thị X (đã chết); chồng: Lê Vĩ T, sinh năm 1947; có 01 con sinh năm 1995; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 16/4/2020 đến ngày 16/6/2020. Bị cáo tại ngoại (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trưa ngày 13/4/2020, tại căn nhà hoang thuộc Ấp Y, xã P L, huyện T P, tỉnh Đồng Nai, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Phú lập biên bắt người phạm tội quả tang đối với các bị cáo Phan Thị Ngọc H, Trần Thị Thu L, Trần Thị Thu V, Nguyễn Thị Kim Y, Bùi Văn G, Tôn Thất T, Lê Thị S và Phan Thị Cẩm C vì có hành vi đánh bạc trái phép được thua bằng tiền, dưới hình thức binh Ấn Độ (Binh 6 lá).

Tang vật thu giữ:

- Thu tại chiếu bạc: Số tiền 2.200.000 đồng, 01 chiếu cói màu xanh, 01 bộ bài tây 52 lá đã qua sử dụng;
- Thu trên người bị cáo Phan Thị Ngọc H: Số tiền 3.200.000 đồng và 01 xe mô tô biển số 60B3-674.90;
- Thu trên người bị cáo Trần Thị Thu L: Số tiền 12.560.000 đồng, 01 điện thoại Iphone X;
- Thu trên người bị cáo Nguyễn Thị Kim Y: Số tiền 3.590.000 đồng, 01 điện thoại cảm ứng Sam sung, 01 xe mô tô biển số 60B3-146.39;
- Thu trên người bị cáo Trần Thị Thu V: Số tiền 3.500.000 đồng, 01 điện thoại Masster bàn phím màu đen, 01 điện thoại Sam sung A10;
- Thu trên người bị cáo Tôn Thất T: Số tiền 26.200.000 đồng, 01 điện thoại Iphone 6S, 01 xe mô tô biển số 60B3-067.77, 01 điện thoại Nokia bàn phím màu đen;
- Thu trên người bị cáo Bùi Văn G: Số tiền 7.170.000 đồng, 01 điện thoại Iphone 6 Plus 32G, 01 xe mô tô biển số 60B3-654.98;
- Thu trên người bị cáo Lê Thị Kim N: Số tiền 3.800.000 đồng, 01 điện thoại Mobistar, 01 xe mô tô biển số 60P1-6088;
- Thu trên người bị cáo Lê Thị S: Số tiền 8.490.000 đồng và 01 xe mô tô biển số 60H7-9908;
- Thu trên người bị cáo Phan Thị Cẩm C: Số tiền 5.400.000 đồng và 01 điện thoại Nokia bàn phím màu đen.

Quá trình điều tra đã xác định:

Khoảng trưa ngày 13/4/2020, Phan Thị Ngọc H, Trần Thị Thu L, Trần Thị Thu V, Nguyễn Thị Kim Y, Bùi Văn G, Tôn Thất T, Lê Thị Kim N, Lê Thị S, Phan Thị Cẩm C cùng nhau đến căn nhà hoang tại Ấp Y, xã Phú Lộc để đánh bạc.

Hình thức đánh bạc là bài binh Ấn Độ (binh 6 lá): Sử dụng bộ bài tây 52 lá, đánh bài 6 lá tính điểm. Mỗi tụ chia làm 6 lá bài, 6 lá bài chia làm 2 chi, mỗi chi 3 lá lá, người đánh bài thắng thua với người làm cái, ai cao điểm hơn người làm cái thì người làm cái phải trả tiền cho người đó và ngược lại, số tiền được thua cho mỗi lần đặt từ 20.000 đồng đến 100.000 đồng. Ngoài ra, những người không trực tiếp chơi có thể đặt tiền vào tụ bài của người chơi chính (ké tụ), rồi căn cứ vào số điểm trên bài của người chơi chính để thắng thua số tiền đặt cược với người làm cái. Đến 16 giờ cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Phú phát hiện, lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ tang vật như trên.

Số tiền các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc như sau:

Bị cáo Phan Thị Ngọc H: Mang theo 3.200.000 đồng để đánh bạc và thắng được số tiền 220.000 đồng. Quá trình cơ quan công an bắt quả tang, Hương bỏ chạy làm rơi mất số tiền 220.000 đồng.

Bị cáo Trần Thị Thu L: Mang theo 12.000.000 đồng, trong đó sử dụng 5.000.000 đồng để đánh bạc và thắng được số tiền 560.000 đồng.

Bị cáo Trần Thị Thu V: Mang theo 3.600.000 đồng sử dụng để đánh bạc và thua số tiền 100.000 đồng còn lại 3.500.000 đồng.

Bị cáo Nguyễn Thị Kim Y: Mang theo 4.000.000 đồng sử dụng để đánh bạc và thua số tiền 410.000 đồng còn lại 3.590.000 đồng.

Bị cáo Bùi Văn G: Mang theo 7.000.000 đồng sử dụng để đánh bạc và thắng được số tiền 170.000 đồng.

Bị cáo Tôn Thất T: Mang theo 26.600.000 đồng, trong đó sử dụng 600.000 đồng để đánh bạc và thua số tiền 400.000 đồng.

Bị cáo Lê Thị Kim N: Mang theo 4.000.000 đồng sử dụng để đánh bạc và thua số tiền 200.000 đồng.

Bị cáo Lê Thị S: Mang theo 8.000.000 đồng, trong đó sử dụng 1.000.000 đồng để đánh bạc và thắng được số tiền 490.000 đồng.

Bị cáo Phan Thị Cẩm C: Mang theo 5.000.000 đồng sử dụng để đánh bạc và thắng được số tiền 400.000 đồng.

Tổng số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc là 36.110.000 đồng, trong đó: Thu trên chiếu bạc là 2.200.000 đồng và thu trên người các bị cáo 33.910.000 đồng dùng để đánh bạc.

Cáo trạng số 70/CT-VKSTP-ĐN ngày 24/6/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú truy tố các bị cáo Phan Thị Ngọc H, Trần Thị Thu L, Trần Thị Thu V, Nguyễn Thị Kim Y, Bùi Văn G, Tôn Thất T, Lê Thị S, Lê Thị Kim N và Phan Thị Cẩm C, về tội: “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo. Trên cơ sở phân tích dấu hiệu phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố:

- Về tội danh: Các bị cáo Phan Thị Ngọc H, Trần Thị Thu L, Trần Thị Thu V, Nguyễn Thị Kim Y, Bùi Văn G, Tôn Thất T, Lê Thị Kim N, Lê Thị S và Phan Thị Cẩm C, phạm tội: “Đánh bạc”.

- Về mức hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); áp dụng thêm điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với các bị cáo Nguyễn Thị Kim Y, Bùi Văn G, Tôn Thất T, Lê Thị Kim N, Lê Thị S và Phan Thị Cẩm C; bị cáo Lê Thị S còn được áp dụng thêm điểm o khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và bị cáo Phan Thị Cẩm C được áp dụng thêm điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt:

Bị cáo Phan Thị Ngọc H mức phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng;

Các bị cáo Trần Thị Thu L, Trần Thị Thu V, Nguyễn Thị Kim Y, Bùi Văn G, Tôn Thất T, Lê Thị Kim N, Lê Thị S và Phan Thị Cẩm C mức phạt tiền mỗi bị cáo từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng.

- Về xử lý vật chứng:

Tịch thu sung công: Số tiền 36.110.000 đồng thu giữ tại nơi đánh bạc và trên người các bị cáo;

Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc cối màu xanh, 01 bộ bài tây 52 lá đã qua sử dụng là công cụ và phương tiện phạm tội không còn giá trị sử dụng.

- Đối với số tiền, đồ vật, tài liệu thu của các bị cáo gồm: Phan Thị Ngọc H 01 xe mô tô biển số 60B3-674.90, Trần Thị Thu L số tiền 7.000.000 đồng và 01 điện thoại Iphone X, Trần Thị Thu V 01 điện thoại Masster bàn phím màu đen và 01 điện thoại Sam sung A10, Nguyễn Thị Kim Y 01 điện thoại cảm ứng Sam sung và 01 xe mô tô biển số 60B3-146.39, Bùi Văn G 01 điện thoại Iphone 6 Plus 32G và 01 xe mô tô biển số 60B3-654.98, Tôn Thất T 26.000.000 đồng, 01 điện thoại Iphone 6S, 01 xe mô tô biển số 60B3-067.77 và 01 điện thoại Nokia bàn phím màu đen, Lê Thị Kim N 01 điện thoại Mobistar và 01 xe mô tô biển số 60P1-6088, Lê Thị S số tiền 7.000.000 đồng và 01 xe mô tô biển số 60H7-9908, Phan Thị Cẩm C 01 điện thoại Nokia bàn phím màu đen là tài sản hợp pháp của các bị cáo và không liên quan đến hành vi phạm tội nên cơ quan điều tra đã trao trả.

- Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Nội dung lời khai của những người tham gia tố tụng: Các bị cáo thừa nhận nội dung của Bản cáo trạng là đúng sự thật; các bị cáo không có ý kiến bào chữa, tranh luận gì, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong giai đoạn điều tra, truy tố đã thực hiện đúng theo quy định của

pháp luật. Người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến về hoạt động của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về sự vắng mặt của bị cáo Phan Thị Ngọc H: Bị cáo Hương vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Việc vắng mặt của bị cáo không ảnh hưởng đến việc xét vụ án nên Hội đồng xét xử chấp nhận và quyết định xét xử vắng mặt bị cáo Hương theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 290 bộ luật Tố tụng hình sự.

[3]. Về trách nhiệm hình sự:

[3.1]. Xét về hành vi phạm tội:

Tại phiên tòa, các bị cáo có mặt không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì khác. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án được đưa ra xem xét tại phiên tòa, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận:

Ngày 13/04/2020, tại căn nhà hoang thuộc Ấp Y, xã P L, huyện T P, tỉnh Đồng Nai, các bị cáo Phan Thị Ngọc H, Trần Thị Thu L, Trần Thị Thu V, Nguyễn Thị Kim Y, Bùi Văn G, Tôn Thất T, Lê Thị Kim N, Lê Thị S và Phan Thị Cẩm C tham gia đánh bạc trái phép được thua bằng tiền dưới hình thức binh Ấn Độ (binh 6 lá). Thu giữ trên chiếu bạc số tiền là 2.200.000 đồng và thu giữ trên người các bị cáo số tiền 33.910.000 đồng được dùng vào việc đánh bạc, tổng cộng 36.110.000 đồng.

Hình thức đánh bạc của các bị cáo thuộc trường hợp nhiều người cùng đánh bạc với nhau được hướng dẫn tại điểm a khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 01/2010/NQ-HĐTP ngày 22/10/2010 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án Tối cao:

“4. Khi xác định tiền, giá trị hiện vật dùng đánh bạc cần phân biệt:

a) Trường hợp nhiều người cùng tham gia đánh bạc với nhau thì việc xác định tiền, giá trị hiện vật dùng đánh bạc đối với từng người đánh bạc là tổng số tiền, giá trị hiện vật của những người cùng đánh bạc được hướng dẫn tại khoản 3 Điều này;”

Tại khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 01/2010/NQ-HĐTP ngày 22/10/2010 của Hội đồng thẩm phán Tòa án Tối cao quy định như sau:

“3. Tiền hoặc hiện vật dùng đánh bạc” bao gồm:

a) Tiền hoặc hiện vật dùng đánh bạc thu giữ được trực tiếp tại chiếu bạc;

b) Tiền hoặc hiện vật thu giữ được trong người các con bạc mà có căn cứ xác định đã được hoặc sẽ được dùng đánh bạc;

.....”

Như vậy, tổng số tiền thu tại chiếu bạc và thu giữ trong người các bị cáo Phan Thị Ngọc H, Trần Thị Thu L, Trần Thị Thu V, Nguyễn Thị Kim Y, Bùi Văn G, Tôn Thất T, Lê Thị Kim N, Lê Thị S và Phan Thị Cẩm C có căn cứ xác định sẽ dùng vào việc đánh bạc là 36.110.000 đồng và các bị cáo đều phải chịu trách nhiệm hình sự với số tiền nói trên.

Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa

đổi, bổ sung năm 2017), như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3.2]. Xét về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo:

Vụ án thuộc loại ít nghiêm trọng nhưng hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, mà còn gây bất bình trong cộng đồng dân cư, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an ở địa phương và là nguyên nhân dẫn đến sự gia tăng của các tội phạm khác. Vì vậy để giáo dục riêng đối với các bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội phải xét xử và áp dụng cho các bị cáo mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, bị cáo đều là người thực hành, tham gia đánh bạc. Vì vậy, mức hình phạt của các bị cáo là tương đương nhau.

[3.3]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân:

- Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về nhân thân: Bị cáo Phan Thị Ngọc H có nhân thân xấu, đã bị kết án tuy đã xóa án tích nhưng vẫn thực hiện hành vi phạm tội; các bị cáo khác có nhân thân tốt.

- Về tình tiết giảm nhẹ:

Bị cáo Lê Thị S được áp dụng các tình tiết phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, là người đủ 70 tuổi trở lên, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn được quy định tại các điểm i, o, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Phan Thị Cẩm C được áp dụng các tình tiết phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và là con của liệt sĩ được quy định tại các điểm i, s, x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo Trần Thị Thu L, Trần Thị Thu V, Nguyễn Thị Kim Y, Bùi Văn G, Tôn Thất T, Lê Thị Kim N được áp dụng các tình tiết phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Bị cáo Tôn Thất T có mẹ là người có công với cách mạng được tặng Huân kháng chiến hạng Ba là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Phan Thị Ngọc H được áp dụng tình tiết người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Từ nội dung đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo và quyết định mức án phù hợp đối với từng bị cáo nhằm thể hiện tính nghiêm minh, cũng như sự khoan hồng của pháp luật.

[4] Về xử lý vật chứng: Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung công số tiền 36.110.000 đồng các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc đây là khoản tiền liên quan, sử dụng vào việc phạm tội;

- Tịch thu tiêu hủy 01 chiếu cói màu xanh, 01 bộ bài tây 52 lá đã qua sử dụng là công cụ thực hiện hành vi phạm tội do không còn giá trị sử dụng;

- Cơ quan điều tra đã trả lại tài sản là tiền, điện thoại di động và xe mô tô của các bị cáo Phan Thị Ngọc H, Trần Thị Thu L, Trần Thị Thu V, Nguyễn Thị Kim Y, Bùi Văn G, Tôn Thất T, Lê Thị Kim N, Lê Thị S và Phan Thị Cẩm C mà không liên quan đến vụ án là đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bị cáo Phan Thị Cẩm C là người thân nhân liệt sĩ, bị cáo Lê Thị S là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tiền án phí nên được miễn nộp án phí. Các bị cáo khác là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc đánh giá tính chất mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo và đề nghị mức hình phạt tiền đối với các bị cáo là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 35, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Đối với các bị cáo Trần Thị Thu L, Trần Thị Thu V, Nguyễn Thị Kim Y, Bùi Văn G, Tôn Thất T, Lê Thị S, Lê Thị Kim N và Phan Thị Cẩm C còn được áp dụng điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); bị cáo Lê Thị S được áp dụng thêm điểm o khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); bị cáo Phan Thị Cẩm C được áp dụng thêm điểm x khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và bị cáo Tôn Thất T được áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

1. Tuyên bố: Các bị cáo Phan Thị Ngọc H, Trần Thị Thu L, Trần Thị Thu V, Nguyễn Thị Kim Y, Bùi Văn G, Tôn Thất T, Lê Thị Kim N, Lê Thị S và Phan Thị Cẩm C phạm tội: “Đánh bạc”.

Xử phạt:

Bị cáo Phan Thị Ngọc H mức phạt tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng);

Bị cáo Trần Thị Thu L mức phạt tiền 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng);

Bị cáo Trần Thị Thu V mức phạt tiền 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng);

Bị cáo Nguyễn Thị Kim Y mức phạt tiền 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng);

Bị cáo Bùi Văn G mức phạt tiền 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng);

Bị cáo Tôn Thất T mức phạt tiền 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng);

Bị cáo Lê Thị Kim N mức phạt tiền 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng);

Bị cáo Lê Thị S mức phạt tiền 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng);

Bị cáo Phan Thị Cẩm C mức phạt tiền 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng).

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự:

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 36.110.000đ (Ba mươi sáu triệu một trăm mười nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0003158 ngày 04/8/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Phú.

- Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc cối màu xanh, 01 bộ bài tây 52 lá đã qua sử dụng là công cụ dùng vào mục đích đánh bạc, không còn giá trị sử dụng (Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 04/8/2020 giữa cơ quan Cảnh sát Điều tra công an huyện Tân Phú và Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Phú).

3. Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đối với bị cáo Phan Thị Cẩm C và bị cáo Lê Thị S; Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đối với các bị cáo khác.

Bị cáo Phan Thị Cẩm C và bị cáo Lê Thị S được miễn nộp tiền án phí. Các bị cáo Phan Thị Ngọc H, Trần Thị Thu L, Trần Thị Thu V, Nguyễn Thị Kim Y, Bùi Văn G, Tôn Thất T, Lê Thị Kim N, mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 290; khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Bị cáo Phan Thị Ngọc H có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Các bị cáo khác có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Tân Phú;
- Công an huyện Tân Phú;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Nam